

Bản án số: 05/ 2018/ HNGĐ-ST.

Ngày: 07/ 5/ 2018.

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh;

2. Bà Vi Thị Ty.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen là Thư ký Toà án nhân dân huyện KBang.

Trong ngày 07/ 5/ 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện KBang, Toà án nhân dân huyện KBang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/ 2017/ TLST-HNGĐ ngày 20/ 12/ 2017 về tranh chấp: **“Ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/ 2018/ QĐST-HNGĐ ngày 05/ 4/ 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/ 4/ 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Sử Thị T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm A, thôn V, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn d, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị T có mặt, anh H lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân H đã có một thời gian quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 4, 5 tháng thì anh, chị đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại UBND xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 11/ 5/ 2016, đến ngày 26/5/2016 thì tổ chức lễ cưới có sự chứng kiến của hai họ, hai bên gia đình và anh em, bạn bè. Cưới nhau xong vợ chồng về chung sống tại thôn d, xã S. Từ ngày 20/6/2016 cho đến nay, vợ chồng chị không còn chung sống với nhau nữa.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị T đã trình bày về nguyên nhân dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn là do anh, chị không hợp tính tình nhau, về suy nghĩ, cách sống đều không có sự đồng cảm với nhau, do vậy, giữa anh chị thường xuyên xảy ra xung đột với nhau nên vào ngày 20/6/2016 chị đã về nhà cha mẹ đẻ của chị tại Xóm A, thôn V, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định sinh sống, anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ

chồng đã thật sự trầm trọng nên không thể tiếp tục hàn gắn để về chung sống với nhau được nữa nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn với nhau.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có con chung; không có tài sản chung và chưa phát sinh nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh H nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không hợp tác làm việc. Mặc dù, anh H đã được trình bày ý kiến, ký nhận đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng do Tòa án ban hành nhưng không đến Tòa làm việc, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành tổ chức. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 20/4/2018, anh H đã vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh H lại tiếp tục vắng mặt nên HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Xuân H.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 02 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Sử Thị T và Nguyễn Xuân H; 01 bản sao Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Sử Thị T; 01 bản sao Giấy CMND mang tên Sử Thị T.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Sử Thị T và anh Nguyễn Xuân H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơ Pai, huyện Kbang, Gia Lai vào ngày 11/ 5/ 2016; điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị T giao nộp là 02 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Sử Thị T và Nguyễn Xuân H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Sử Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sử Thị T và anh Nguyễn Xuân H, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơ Pai, huyện Kbang, Gia Lai vào ngày 11/ 5/ 2016, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị T đã trình bày về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chính là do anh chị không hợp tính tình nhau, về suy nghĩ, cách sống đều không có sự đồng cảm với nhau, do vậy, giữa anh chị thường xuyên xảy ra xung đột với nhau nên vào ngày 20/ 6/2016 chị đã về nhà cha mẹ đẻ của chị tại Xóm A, thôn V, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định sinh sống, anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H không hợp tác làm việc. Mặc dù, anh H đã được trình bày ý kiến, ký nhận đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng do Tòa án ban hành nhưng không đến Tòa làm việc, khi Tòa án tiến hành tổ chức các phiên hòa giải do để anh chị có điều kiện hàn gắn thì anh H luôn vắng mặt, không tham gia. Hơn nữa, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T theo yêu cầu của chị T. Như vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

nên cần căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Theo chị T trình bày thì anh, chị không có con chung; không có tài sản chung và chưa phát sinh nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H đều vắng mặt nên không trình bày được quan điểm của mình. HĐXX cần chấp nhận lời trình bày và nguyện vọng của chị T là không xem xét, đề cập giải quyết trong vụ kiện này. Trường hợp, anh H có nguyện vọng khác thì yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí LH-ST: Nguyên đơn chị Sử Thị T phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51 và 57 của Luật HN&GD năm 2014;
- Căn cứ các Điều 144, 147, 266, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sử Thị T;

Xử cho chị Sử Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H,

2. Về án phí LH-ST: Chị Sử Thị T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0007179 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, chị T đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm, thời hạn kháng cáo đối với bị đơn được kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HS vụ án, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ THỊ LÀNH

